

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HS-ST
Ngày 08 - 01 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - TP. HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Ngọc Quý** và ông **Phạm Tiến Lợi**
(Đều là giáo viên nghỉ hưu).

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Luân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Mai** – Kiểm sát viên.

Ngày 08/01/2018, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 153/2017/TLST - HS ngày 30 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2017/QĐXXST-HS ngày 19/12/2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Tá S, sinh năm 1987; Nơi ĐKKHKT và cư trú tại: Thôn 7, xã PC, huyện QO, Thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lái xe ô tô; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn P, con bà Hoàng Thị T; Vợ Đinh Thị C, sinh năm 1988 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2015; Danh chỉ bản số 390 lập ngày 09/8/2017 tại Công an huyện Chương Mỹ; Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

- Ngày 11/5/2006, bị Tòa án quân sự khu vực 2, quân khu 1 xử phạt 60 tháng tù về tội “Vận chuyển tiền giả”, đã chấp hành xong hình phạt 17/01/2009, đã nộp án phí 50.000 đồng theo biên lai số 78 ngày 03/8/2006.

- Ngày 07/11/2011, bị UBND huyện QO áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc do nghiện ma túy.

Bị tạm giam từ ngày 08/8/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Chương Mỹ. Có mặt.

*** Người bị hại:**

1. Chị **Phan Thị A**, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn ĐL, xã HL, huyện LH, tỉnh Hà Tĩnh (đã chết).

Người đại diện hợp pháp cho chị A: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1950 (mẹ đẻ chị A). Trú tại: Thôn YG, xã HL, huyện LH, tỉnh Hà Tĩnh.

Bà L ủy quyền cho ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1976 (là em trai của Bà L). Địa chỉ: xã HT, huyện QO, Hà Nội (theo văn bản ủy quyền ngày 18/8/2017). Ông D có mặt.

2. Cháu **Nguyễn Thị Bảo T**, sinh ngày 23/02/2011 (là con gái chị A). Nơi cư trú: Thôn ĐL, xã HL, huyện LH, tỉnh Hà Tĩnh (đã chết).

Người đại diện hợp pháp cho cháu T: Ông **Nguyễn Trọng K**, sinh năm 1963 (là ông nội cháu T, do bố mẹ cháu T đều đã chết). Trú tại: Thôn ĐL, xã HL, huyện LH, tỉnh Hà Tĩnh.

Ông K ủy quyền cho Anh **Nguyễn Trọng H**, sinh năm 1993 (con trai Ông K). Trú tại: Thôn ĐL, xã HL, huyện LH, tỉnh Hà Tĩnh. (theo văn bản ủy quyền ngày 18/8/2017). Anh H có mặt.

3. Bà **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1953. Trú tại: Phố GN, phường NC, quận TX, Hà Nội (đã chết).

Người đại diện hợp pháp cho bà Q: Ông **Đặng Bình L**, sinh năm 1953 (là chồng bà Q). Trú tại: Số 12, ngách 78, ngõ 213, phố GN, phường NC, quận TX, Hà Nội. Ông L có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Liên quan đến phía chị Phan Thị A, cháu Nguyễn Thị Bảo T:

- Ông **Phan Văn Đ**, sinh năm 1937 (bố đẻ chị A). Trú tại: Phường RD, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1950 (mẹ đẻ chị A). Trú tại: Thôn YG, xã HL, huyện LH, tỉnh Hà Tĩnh.

Ông Đ, Bà L ủy quyền cho ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1976. Địa chỉ: xã HT, huyện QO, Hà Nội. Đơn vị công tác: Kho K680 – Cục Quân Khí thuộc xã HT, huyện QO, Hà Nội. Ông D có mặt.

- Ông **Nguyễn Trọng K**, sinh năm 1963; bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1963 (là ông, bà nội cháu T). Đều trú tại: Thôn ĐL, xã HL, huyện LH, tỉnh Hà Tĩnh.

Ông K, bà C ủy quyền cho anh **Nguyễn Trọng H**, sinh năm 1993. Trú tại: Thôn ĐL, xã HL, huyện LH, tỉnh Hà Tĩnh. Anh H có mặt.

2. Liên quan đến phía bà Q:

- Ah **Đặng Hải B**, sinh năm 1978; chị **Đặng Hằng N**, sinh năm 1981; chị **Đặng Lệ Q**, sinh năm 1983 (đều là các con của bà Q). Đều trú tại: Số 12, ngách 78, ngõ 213, phố GN, phường NC, quận TX, Hà Nội. Anh B, chị N, chị Q ủy quyền cho ông Đặng Bình L (là bố đẻ) (theo biên bản làm việc ngày 07/10/2017).

- Cụ **Bá Thị L**, sinh năm 1929 (mẹ bà Q). Trú tại: Xã HL, huyện LH, tỉnh Hà Tĩnh. Cụ L ủy quyền cho ông **Đặng Bình L** (theo giấy ủy quyền ngày 24/9/2017). Ông L có mặt.

3. Liên quan đến chiếc xe mô tô BKS 30F4 – 8906: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1978 (vợ anh Đặng Hải B). Trú tại: Số 12, ngách 78, ngõ 216, phố GN, phường NC, quận TX, Hà Nội. Có ông L đại diện.

* **Bị đơn dân sự**: Công ty TNHH sản xuất và thương mại TD. Địa chỉ: Thị trấn QO, huyện QO, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Tạ Văn S**, sinh năm 1976 – Giám đốc Công ty.

Ông S ủy quyền cho ông Nguyễn Duy S (theo Giấy ủy quyền số 06 ngày 06/01/2018). Ông S có mặt.

* **Người làm chứng**: Ông **Đào Trọng G**, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Thôn DT, xã DX, huyện QO, Hà Nội. Nghề nghiệp: Lái xe ôm. Vắng mặt

* **Người được triệu tập đến phiên tòa**: Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1963 (bố đẻ bị cáo S). Trú tại: Thôn 7, xã PC, QO, Hà Nội. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tá S có giấy phép lái xe ô tô hạng C và có hợp đồng lao động với công ty TNHH SX&TM TD (sau đây gọi tắt là công ty TD) với vị trí lái xe. Khoảng hơn 13 giờ ngày 08/8/2017, Nguyễn Tá S điều khiển xe ô tô nhãn hiệu HOWO BKS: 29C-408.53 của công ty TD, từ nhà ở thôn 7, xã PC, QO đến khu TX, thị trấn XM, huyện CM để chở đất. S đi theo đường Hồ Chí Minh hướng HL - MM. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, S điều khiển xe ô tô đi đến gần ngã tư XM, Km421+166,6 thuộc khu XH, thị trấn XM, CM, thì thấy có 01 xe ô tô đang đỗ bên lề bên phải

đường theo chiều đi. S điều khiển xe ô tô mở rộng vòng cua sang bên trái để tránh xe ô tô dừng đỗ và rẽ phải đi ra QL6A về hướng HB. Do khi đi vào vòng cua, S không chú ý quan sát phía trước đầu xe bên trái, nên đầu xe ô tô do S điều khiển đã đâm vào phía sau xe mô tô nhãn hiệu FUTURE Neo BKS: 30F4-8906 đi phía trước cùng chiều do chị Phan Thị A điều khiển chở phía sau là cháu Nguyễn Thị Bảo T và bà Nguyễn Thị Q. S đã đạp phanh chân xe ô tô nhưng xe ô tô vẫn đẩy kéo rê xe mô tô cùng các nạn nhân trên mặt đường, bánh xe phía sau bên trái chèn qua người các nạn nhân Phan Thị A, Nguyễn Thị Bảo T và Nguyễn Thị Q gây tử vong tại hiện trường. Xe mô tô BKS: 30F4-8906 bị hư hỏng. Sau tai nạn Nguyễn Tá S đến Công an huyện Chương Mỹ đầu thú.

Kết quả khám nghiệm hiện trường:

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường hồi 15 giờ ngày 08/8/2017, hiện trường là đoạn đường cong, nhánh rẽ phải từ đường Hồ Chí Minh đi QL6A, rải bê tông nhựa, chiều rộng mặt đường 10m. Hiện trường vẫn còn nguyên vẹn. Các dấu vết được đo vào mép đường bên phải hướng XM – HB.

Về phương tiện:

Xe ô tô BKS: 29C-408.53 đỗ tự nhiên trên mặt đường, đầu xe quay hướng ra QL6A chệch chéo HB, đuôi xe quay hướng HL. Khoảng cách từ trục bánh trước bên phải đến mép đường là 4m70, khoảng cách từ trục bánh sau đến mép đường là 4m00.

Xe mô tô BKS: 30F4-8906 đổ nghiêng trái trên mặt đường đầu xe quay hướng ra QL6A chệch chéo HB, đuôi xe quay hướng HL. Khoảng cách từ trục bánh trước đến mép đường là 4m70, khoảng cách từ trục bánh sau đến mép đường là 4m70.

Khoảng cách từ trục bánh trước xe mô tô đến trục bánh sau bên phải xe ô tô là 3m30.

Về dấu vết:

Vết cày xước mặt đường (đánh số 01 trên sơ đồ hiện trường) có chiều HL - HB dài 9m60, đầu vết cách mép đường 3m40, cuối vết tại đầu để chân sau bên trái xe mô tô với mặt đường.

Vết cày xước mặt đường (đánh số 02 trên sơ đồ hiện trường) có chiều HL - HB dài 9m20, đầu vết cách mép đường 3m90, cuối vết tại đầu để chân trước bên trái xe mô tô với mặt đường.

- Vùng dầu văng (đánh số 03 trên sơ đồ hiện trường) có chiều HL - HB KT (0,40 x 7,10)m, khoảng cách từ tâm đầu vùng đến mép đường là 3m30, cuối vùng tại đế chân trước bên trái xe mô tô.

- Vết bám dính màu đen trên mặt đường (đánh số 04 trên sơ đồ hiện trường) có chiều HL - HB KT(0,47x10,7)m, khoảng cách từ tâm đầu vết đến mép đường là 3m40, cuối vết tại trục bánh sau cùng bên phải xe ô tô.

Về tử thi:

- Đánh số 05 trên sơ đồ hiện trường là tử thi Nguyễn Thị Bảo T: nằm ngửa trên mặt đường, khoảng cách từ gót chân phải đến mép đường là 4m30, khoảng cách từ đầu tử thi đến trục sau bánh xe mô tô là 2m30.

- Đánh số 06 trên sơ đồ hiện trường là tử thi Phan Thị A: nằm sấp nghiêng trái trên mặt đường, khoảng cách từ gót chân phải đến mép đường là 4m90, khoảng cách từ đầu tử thi đến trục sau bánh xe mô tô là 2m20.

- Đánh số 07 trên sơ đồ hiện trường là tử thi Nguyễn Thị Q: nằm sấp nghiêng trái trên mặt đường, khoảng cách từ gót chân phải đến mép đường là 5m40, khoảng cách từ đầu tử thi đến trục sau bánh xe mô tô là 0m40.

*** Bản giám định pháp y số 4906/PC54-PY ngày 24/8/2017** của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an TP. Hà Nội kết luận nguyên nhân chết của cháu Nguyễn Thị Bảo T: “vỡ sập lún xương sọ vùng thái dương đỉnh, vỡ nền sọ giữa”.

*** Bản giám định pháp y số 4907/PC54-PY ngày 24/8/2017** của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an TP. Hà Nội kết luận nguyên nhân chết của bà Nguyễn Thị Q: “đa chấn thương, giập thoát não toàn bộ”.

*** Bản giám định pháp y số 4908/PC54-PY ngày 24/8/2017** của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an TP. Hà Nội kết luận nguyên nhân chết của chị Phan Thị A: “đa chấn thương, giập thoát não lớn”.

*** Khám nghiệm các dấu vết xe liên quan tai nạn:**

- Xe mô tô BKS: 30F4-8906:

+ Mặt ngoài đầu sau bảo hiểm nửa sau yên xe có vùng trượt sát kim loại chiều từ sau về trước, trái sang phải;

+ Mặt ngoài đầu sau ống giảm thanh có vùng trượt sát bẹp, lõm kim loại chiều sau về trước, dưới lên trên, diện (16x9)cm;

+ Mặt ngoài đầu sau ốp nhựa đuôi xe có vùng trượt sát nhựa bong sơn diện (8x0,9)cm, điểm thấp nhất cách đất 77,5cm;

+ Toàn bộ xe bị hư hỏng nặng.

- Xe ô tô BKS: 29C-408.53:
- + Mặt ngoài phía trước bên trái ba đèn xóc đầu xe có vùng bẹp lõm kim loại chiều từ trước về sau, trái sang phải diện (10,5x5)cm;
- + Mặt dưới thanh kim loại bằng sắt tròn đường kính 04cm, phía dưới cụm giảm sóc đầu xe bên trái có vùng trượt sát sạch bụi đất chiều trước về sau;
- + Mặt trước dưới cầu giữa nối giữa 02 cụm bánh xe hàng thứ 2 có vùng trượt sát kim loại chiều trước về sau;
- + Mặt dưới trước trục nối đầu trước giữa trục thứ 2 và trục thứ 3 từ trên xuống có vùng trượt sát kim loại chiều từ trước về sau;
- + Mặt trong má lốp phía trong bánh trong cùng cụm bánh thứ 2 có trượt ạt cao su sạch bụi đất chiều từ ngoài vào tâm bánh xe;
- + Mặt ngoài và mặt lặn bánh trong cùng cụm bánh sau cùng bên trái có vùng bầm dính máu và tổ chức cơ thể người đã khô.

*** Bản kết luận giám định số 6370/KL-PC54-3 ngày 13/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an TP. Hà Nội kết luận:** vết trượt xước sơn tại mặt ngoài bên trái chắn đà trước xe ô tô BKS: 29C-408.53 có chiều từ trước về sau phù hợp vết trượt xước sơn tại mặt ngoài bên trái ốp nhựa đuôi xe mô tô BKS: 30F4-8906 có chiều từ sau về trước.

*** Bản kết luận định giá tài sản số 248/TC-KLĐG ngày 22/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Chương Mỹ kết luận:** Xe mô tô BKS: 30F4-8906 bị hư hỏng nặng không sửa chữa được, giá trị ban đầu của xe khi chưa xảy ra tai nạn là 10.000.000 đồng

*** Về trách nhiệm dân sự:**

- Ngày 27/11/2017, phía gia đình Nguyễn Tá S, công ty TD và phía gia đình bà Nguyễn Thị Q đã tự nguyện thỏa thuận các khoản bồi thường gồm: mai táng phí, tổn thất tinh thần, thiệt hại về tài sản là xe mô tô BKS: 30F4-8906, cho phía gia đình bà Q tổng cộng các khoản là 185.000.000 đồng. Gia đình bà Q có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Tá S.

- Ngày 27/11/2017, phía gia đình Nguyễn Tá S, công ty TD và phía gia đình chị Phan Thị A, cháu Nguyễn Thị Bảo T đã tự nguyện thỏa thuận các khoản bồi thường gồm: mai táng phí, tổn thất tinh thần, cho phía gia đình chị A, cháu T tổng cộng các khoản là 243.000.000 đồng. Gia đình chị A, cháu T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Tá S.

***Vật chứng vụ án thu giữ gồm có:** Xe mô tô BKS: 30F4-8906 và xe ô tô BKS: 29C-408.53. Sau khi khám nghiệm, Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị T, công ty TD.

Tại Bản Cáo trạng số 145/CT-VKS ngày 30/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ truy tố bị cáo **Nguyễn Tá S** về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 3 Điều 202 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Nguyễn Tá S khai nhận toàn bộ diễn biến vụ tai nạn giao thông như nội dung Cáo trạng đã nêu. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã cố gắng tác động nhờ gia đình hỗ trợ bồi thường cho các gia đình bị hại; nay phía gia đình bà Q, chị A, cháu T vẫn yêu cầu tiếp tục phải bồi thường thì bị cáo không còn khả năng bồi thường nữa vì bị cáo đang bị giam giữ, vợ bị cáo không có nghề nghiệp. Về việc ông L: yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm giá trị chiếc xe máy của chị Nguyễn Thị T là 8.000.000 đồng, bị cáo không nhất trí; yêu cầu bị cáo phải cấp dưỡng một lần cho cụ Bá Thị L thì quan điểm của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật như đề nghị của ông L, nếu sau khi tính toán mà số tiền bị cáo đã bồi thường nhiều hơn số tiền bị cáo phải bồi thường, thì phần còn lại này bị cáo tự nguyện cấp dưỡng một lần cho cụ L, còn nếu sau khi tính toán mà bị cáo còn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cụ L thì bị cáo thực hiện cấp dưỡng theo tháng. Về việc ông D, anh H yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm tiền mai táng phí cho chị A, cháu T mỗi người là 10.000.000 đồng, nếu sau khi tính toán mà số tiền bị cáo đã bồi thường nhiều hơn số tiền bị cáo phải bồi thường cho gia đình chị A, cháu T thì bị cáo tự nguyện bồi thường hết cho gia đình chị A, cháu T mà không lấy lại.

- Ông Đặng Bình L - Người đại diện hợp pháp cho người bị hại Nguyễn Thị Q: Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của bà Q gồm có: ông (là L – chồng bà Q), các con đẻ của bà Q là anh B, chị N, chị Q, mẹ đẻ bà Q là cụ Bá Thị L, ngoài ra không còn ai khác. Xác nhận chị Nguyễn Thị T (con dâu ông) đã nhận lại chiếc mô tô BKS: 30F4-8906. Xác nhận ngày 27/11/2017, gia đình ông và gia đình bị cáo S, công ty TD đã có văn bản thỏa thuận các mức đã bồi thường thiệt hại do tính mạng của bà Q bị xâm phạm bao gồm các khoản: chi phí cho việc mai táng bà Q, tổn thất tinh thần của những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Q và thiệt hại xe máy

của chị T bị xâm phạm, tổng cộng các khoản là 185.000.000 đồng và gia đình ông đã có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Tá S.

Tuy nhiên, theo ông trong số 185.000.000 đồng thì chỉ có tiền bồi thường là 175.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng là của công ty TD viếng bà Q ngày 09/8/2017 nên không được tính số tiền 10.000.000 đồng là tiền bồi thường. Đến nay gia đình ông thống nhất đề nghị bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo S phải bồi thường thêm 02 khoản: 1. Khoản cho chị T 8.000.000 đồng vì theo chị T trị giá chiếc xe máy trước khi bị tai nạn là 18.000.000 đồng, Hội đồng định giá kết luận chiếc xe trị giá 10.000.000 đồng là quá thấp; 2. Khoản cấp dưỡng 01 lần cho cụ Bá Thị L (mẹ đẻ bà Q) 50.000.000 đồng, vì khi còn sống hàng tháng bà Q phải gửi tiền về quê cho cụ L từ 500.000 đến 1.000.000 đồng và số tiền yêu cầu bồi thường cho cụ L để cụ L ở quê có điều kiện thấp hương thờ cúng bà Q. Trường hợp bị cáo S chấp nhận bồi thường thêm hoặc Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo S phải bồi thường thêm như đề nghị trên thì tại phiên tòa hôm nay gia đình ông tiếp xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, còn nếu bị cáo không chấp nhận bồi thường thêm thì gia đình ông không xin giảm nhẹ cho bị cáo nữa.

- Anh Nguyễn Trọng H và ông Nguyễn Văn D – Người đại diện cho người bị hại chị Phan Thị A và cháu Nguyễn Thị Bảo T: Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của chị A chỉ còn: Ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Thị L (bố mẹ đẻ chị A). Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của cháu T đến nay không còn ai, do bố đẻ cháu T đã chết cách đây 03 năm; xác nhận ông bà nội cháu T là ông Nguyễn Trọng K, bà Nguyễn Thị C; ông, bà ngoại cháu T là ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Thị L. Xác nhận phía gia đình chị A, cháu T đã được gia đình bị cáo S và công ty TD bồi thường thiệt hại do tính mạng của chị A và cháu T bị xâm phạm bao gồm các khoản: chi phí cho việc mai táng chị A, cháu T và tổn thất tinh thần cho những người thân thích của chị A, cháu T, tổng các khoản là 243.000.000 đồng (của mỗi người là 121.500.000 đồng).

Tuy nhiên, đến nay gia đình đề nghị bị cáo S và công ty TD phải hỗ trợ thêm tiền mai táng phí của chị A, cháu T mỗi người 10.000.000 đồng, để gia đình đỡ thiệt thòi; nếu bị cáo S chấp nhận bồi thường thêm này thì gia đình sẽ xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, còn ngược lại thì không.

- Đại diện công ty TD xác nhận: Công ty đã được nhận lại chiếc xe ô tô BKS: 29C-408.53. Công ty không yêu cầu bị cáo S phải bồi thường thiệt hại gì đối với xe ô tô này. Công ty và gia đình bị cáo S đã cùng nhau tự nguyện bồi thường cho các gia đình bị hại, cụ thể: Trong số tiền bồi thường cho gia đình bà Q 185.000.000 đồng

thì công ty có 15.000.000 đồng (trong đó 10.000.000 đặt viếng, 5.000.000 đồng tiền thuê xe), gia đình bị cáo S có 170.000.000 đồng; số tiền 243.000.000 đồng cho gia đình chị A và cháu T thì công ty có 23.000.000 đồng, còn lại là của gia đình bị cáo S. Tại phiên tòa: Gia đình ông L, ông D, anh H đều yêu cầu công ty phải bồi thường thêm thì công ty không chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật; nếu số tiền đã bồi thường cho các gia đình mà còn thừa thì công ty cũng tự nguyện bồi thường cho họ mà không lấy lại. Công ty TD không yêu cầu bị cáo S phải bồi hoàn lại số tiền công ty đã bỏ ra bồi thường cho gia đình ông L.

- Ông Nguyễn Văn P ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H (là chú ruột của bị cáo S) trình bày: Xác nhận gia đình đã bồi thường cho các gia đình bị hại thay cho bị cáo S, cụ thể: Trong số tiền bồi thường cho gia đình bà Q 185.000.000 đồng thì công ty TD có 15.000.000 đồng, gia đình bị cáo S có 170.000.000 đồng; số tiền 243.000.000 đồng cho gia đình chị A và cháu T thì công ty TD có 23.000.000 đồng, gia đình bị cáo S có 220.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo S. Đề nghị tuyên bố bị cáo S phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 3 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuy nhiên bị cáo là người có nhân thân xấu: Ngày 11/5/2006, bị Tòa án quân sự khu vực 2, quân khu 1 phạt 60 tháng tù về tội “Vận chuyển tiền giả”. Ngày 07/11/2011, bị UBND huyện QO áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc do nghiện ma túy. Đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: Bị cáo đã tích cực tác động đến gia đình để gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các gia đình bị hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú; trong giai đoạn điều tra các gia đình bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, phạt bị cáo tù 07 – 09 năm tù. Về trách nhiệm dân sự:

+ Đối với bồi thường cho gia đình bà Q, đề nghị bị cáo phải bồi thường: mai táng phí của bà Q 30.000.000 đồng, chi phí tàu xe đi lại 10.000.000 đồng, tổn thất tính thân cho hàng thừa kế thứ nhất của bà Q từ 59.500.000 – 73.400.000 đồng, sửa xe máy của chị T 10.000.000 đồng, tổng từ 109.500.000 đồng – 123.400.000 đồng; bị cáo và công ty TD đã bồi thường 185.000.000 đồng, số tiền còn lại từ 75.500.000

– 61.600.000 đồng, do bị cáo S tự nguyện dùng hết số tiền này để bồi thường cấp dưỡng một lần cho cụ L nên đề nghị ghi nhận.

+ Đối với bồi thường cho gia đình chị A, cháu T, đề nghị bị cáo phải bồi thường: mai táng phí của chị A, cháu T 30.000.000 đồng/người, chi phí tàu xe đi lại 10.000.000 đồng/người, tổn thất tinh thần cho hàng thừa kế thứ nhất của chị A, cháu T từ 55.000.000 – 69.500.000 đồng, tổng cộng từ 95.000.000 đồng – 109.500.000 đồng/người.

Đề nghị cấm bị cáo hành nghề lái xe trong thời hạn từ 02 – 03 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, của cơ quan truy tố, về hành vi tố tụng của Điều tra viên, của Kiểm sát viên: Đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về: Khởi tố vụ án, khởi tố bị can, phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người bị tạm giữ, tạm giam, về các biện pháp điều tra như lấy lời khai bị can, lấy lời khai người làm chứng, xác minh hiện trường vụ án, thu giữ vật chứng, trưng cầu định giá tài sản, về việc giao nhận các văn bản tố tụng cho bị can, người bị hại. Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thu thập đầy đủ, đúng trình tự tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên: Không mớm cung, ép cung, bức cung, nhục hình đối với bị can.

[1.2] Về sự vắng mặt của chị Nguyễn Thị T: Theo ông Đặng Bình L trình bày, chị T đã ủy quyền cho ông và ông nhận trách nhiệm là người nhận ủy quyền của chị T. Xét thấy Ông L là bố chồng chị T; Ông L và chị T cùng cư trú tại một địa chỉ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận Ông L là người đại diện ủy quyền của chị T.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xem xét lời khai của bị cáo Nguyễn Tá S tại phiên tòa, thấy phù hợp với: Sơ đồ, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm hai phương tiện liên quan đến vụ tai nạn, biên bản khám nghiệm tử thi, kết luận giám định pháp y, vật chứng thu giữ; phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 08/8/2017, tại Km421+166,6 đường Hồ Chí Minh, ngã tư thị trấn XM, thuộc địa phận khu XH, thị trấn XM, huyện CM, Nguyễn Tá S có hành vi điều khiển xe ô tô BKS: 29C-408.53 rẽ phải từ đường Hồ Chí Minh ra đường QL6A, đi hướng HL – HB, do không quan sát phía trước bên trái, đã đâm vào phía sau xe mô tô nhãn hiệu FUTURE Neo BKS: 30F4-8906 đi phía trước cùng chiều do chị Phan Thị A điều khiển, chở phía sau là cháu Nguyễn Thị Bảo T (con gái chị A) và bà Nguyễn Thị Q (dì ruột chị A) gây tai nạn. Hậu quả làm bà Q, chị A, cháu T tử vong tại chỗ, xe mô tô bị hư hỏng thiệt hại 10.000.000 đồng. Sau khi gây tai nạn, Nguyễn Tá S đã đến Công an huyện Chương Mỹ đầu thú.

Hành vi của Nguyễn Tá S điều khiển xe ô tô không chú ý quan sát, đã đâm vào xe mô tô phía trước cùng chiều, đã vi phạm Điều 12, Điều 13, Điều 24 Luật giao thông đường bộ, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng làm chết 03 người, thiệt hại về tài sản 10.000.000 đồng. Do vậy, hành vi của Nguyễn Tá S đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: “1. Người nào điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe, tài sản của người khác, thì **bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng**, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm;

3. Phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm”.

Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: “1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì **bị phạt tiền từ 30.0000.000 đồng đến 100.000.000 đồng**, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm;

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a. Làm chết 03 người trở lên”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì điều luật được áp dụng đối với Nguyễn Tá S về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” là khoản 3 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999 (do hình phạt của Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 nặng hơn hình phạt của Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999).

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ truy tố Nguyễn Tá S về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 3 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét thấy hành vi của bị cáo S là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ, đã trực tiếp xâm phạm đến sự hoạt động bình thường của các phương tiện giao thông đường bộ, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, thiệt hại đến tính mạng, tài sản của người khác. Xét nguyên nhân gây ra vụ tai nạn giao thông dẫn đến hậu quả chị A, cháu T, bà Q bị chết, thấy lỗi chính do bị cáo S không quan sát kỹ tình trạng giao thông, không đảm bảo khoảng cách an toàn với xe đi phía trước cùng chiều, nên phải áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục bị cáo, dẫn đe phòng ngừa chung.

[2.2]. Khi lượng hình, xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuy nhiên bị cáo là người có nhân thân xấu: Ngày 11/5/2006, bị Tòa án quân sự khu vực 2, quân khu 1 phạt 60 tháng tù về tội “Vận chuyển tiền giả”. Ngày 07/11/2011, bị UBND huyện QO áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc do nghiện ma túy. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: đã tích cực tác động đến gia đình để gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các gia đình bị hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú, là các tình tiết được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xét thấy cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là cấm hành nghề lái xe một thời gian nhất định được quy định tại khoản 5 Điều 202 Bộ luật hình sự.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, phía ông L, ông D, anh H yêu cầu bị cáo S và công ty TD phải tiếp tục bồi thường thêm; phía bị cáo S, công ty TD không chấp nhận bồi thường thêm, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Do các bên không thỏa thuận được, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 591 Bộ luật dân sự năm 2015 để xem xét giải quyết yêu cầu của các bên, cụ thể:

[3.1] Đối với thiệt hại do tính mạng của bà Nguyễn Thị Q bị xâm hại:

Tại phiên tòa, Ông L cho rằng chỉ được tính số tiền gia đình ông đã nhận bồi thường là 175.000.000 đồng, không phải là 185.000.000 đồng, vì 10.000.000 đồng của công ty TD viếng bà Q thì không được tính là tiền bồi thường. Còn công ty TD cho rằng số tiền 10.000.000 đồng đặt viếng bà Q là tiền bồi thường mai táng.

Xem xét Biên bản thương lượng bồi thường thiệt hại ngày 27/11/2017 (BL 326) thấy thể hiện gia đình ông L đã được gia đình bị cáo S và công ty TD bồi thường 185.000.000 đồng bao gồm thiệt hại về con người, tổn thất tinh thần, thiệt hại xe máy. Như vậy, phải xác định số tiền bị cáo S và công ty TD đã bồi thường cho gia đình Ông L là 185.000.000 đồng.

Xem xét yêu cầu của ông L đề nghị bị cáo S phải bồi thường khoản cấp dưỡng một lần cho cụ Bá Thị L (mẹ bà Q) thì thấy: Theo biên bản xác minh ngày 11/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã HL, thu nhập bình quân 41.000.000 đồng/người/năm = 3.417.000 đồng/người/tháng. Cụ Bá Thị L có 10 người con, vậy mỗi người có trách nhiệm cấp dưỡng cho cụ L 500.000 đồng/tháng, phù hợp với lời khai của ông L kê khai khi bà Q còn sống, hàng tháng gửi tiền cho cụ L từ 500.000 – 1.000.000 đồng. Ông L yêu cầu bị cáo phải cấp dưỡng một lần và bị cáo S cũng chấp nhận, nếu sau khi tính toán các khoản mai táng, tổn thất tinh thần, thiệt hại tài sản của chị T mà còn thừa, thì toàn bộ số tiền còn lại này sẽ cấp dưỡng một lần cho cụ L.

Trên cơ sở gia đình ông Đặng Bình L kê khai, thì các khoản chi phí bồi thường được chấp nhận gồm: Chi phí hợp lý cho việc mai táng bà Q 61.506.000 đồng (trong đó tại Bệnh viện 103 = 52.350.000 đồng, lập bàn thờ = 1.650.000 đồng, chi phí tại xã HL - LH – Hà Tĩnh = 3.700.000 đồng, chi phí tàu xe đi lại 3.806.000 đồng); Tiền tổn thất tinh thần cho hàng thừa kế thứ nhất của bà Q gồm: ông L, anh B, chị Q, chị N, cụ L là 65.000.000 đồng; Tiền cấp dưỡng một lần cho cụ Bá Thị L mà bà Q khi còn sống có nghĩa vụ cấp dưỡng là 48.494.000 đồng. **Tổng cộng là 136.506.000 đồng.**

[3.2] Đối với thiệt hại chiếc xe mô tô BKS 30F4-8906 của chị Nguyễn Thị T: Tại phiên tòa, Ông L xác nhận trong số 185.000.000 đồng gia đình ông đã nhận đã có 10.000.000 đồng tiền thiệt hại xe máy của chị T, nhưng nay chị T yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm 8.000.000 đồng. Xem xét yêu cầu của chị T thì thấy: Tại kết luận định giá tài sản số 248/TC-KLĐG ngày 22/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Chương Mỹ kết luận xe mô tô BKS: 30F4-8906 có giá trị ban đầu khi chưa xảy ra tai nạn là 10.000.000 đồng, do vậy Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu bồi thường thêm của chị T, đồng nghĩa với việc buộc bị cáo S phải bồi thường cho chị T là 10.000.000 đồng.

Như vậy, các khoản mà bị cáo S phải có nghĩa vụ bồi thường cho gia đình bà Q bao gồm: Chi phí hợp lý cho việc mai táng bà Q 61.506.000 đồng; Tiền tổn thất tinh thần cho hàng thừa kế thứ nhất của bà Q (gồm: ông L, anh B, chị Q, chị N, cụ L)

65.000.000 đồng; Tiền cấp dưỡng một lần cho cụ Bá Thị L mà bà Q khi còn sống có nghĩa vụ cấp dưỡng 48.494.000 đồng; Tiền bồi thường thiệt hại xe máy cho chị Nguyễn Thị T 10.000.000 đồng. Tổng cộng 185.000.000 đồng, đối trừ với số tiền 185.000.000 đồng bị cáo S và công ty TD đã bồi thường cho gia đình ông L, thì bị cáo S không còn phải bồi thường nữa.

[3.3] Đối với thiệt hại do tính mạng của mẹ con chị Phan Thị A, cháu Nguyễn Thị Bảo T bị xâm hại: Tại phiên tòa, ông D, anh H xác nhận gia đình bị cáo và công ty TD đã bồi thường 243.000.000 đồng, nay gia đình đề nghị bị cáo bồi thường thêm tiền mai táng phí cho chị A, cháu T 10.000.000 đồng/người.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về chi phí mai táng: Tại bảng kê khai chi tiền mai táng cho chị A, cháu T tại HL - LH, anh H kê hết 36.650.000 đồng/ người x 2 = 73.300.000 đồng, xét thấy chi phí này là phù hợp với thực tế. Ngoài ra, bị cáo còn phải chịu thêm khoản chi phí tiền xe ô tô chở thi hài chị A, cháu T từ XM về HL - LH, tiền mua quan tài, quần áo khâm niệm, tổng cộng là 21.500.000 đồng/người x 2 = 43.000.000 đồng.

Về tổn thất tinh thần: Xét thấy, hàng thừa kế thứ nhất của chị A đến nay chỉ còn ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Thị L; hàng thừa kế thứ nhất của cháu T không còn ai, khi cháu T còn sống thì ngoài chị A (mẹ đẻ), không có ai khác trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Do vậy, bị cáo S có nghĩa vụ bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho hàng thừa kế thứ nhất của chị A (gồm ông Đ, Bà L) là 26.000.000 đồng.

Tổng các khoản bị cáo S phải có nghĩa vụ bồi thường cho gia đình chị A, cháu T là $(73.300.000 + 43.000.000 + 26.000.000) = 142.300.000$ đồng. Đối trừ với số tiền 243.000.000 đồng bị cáo đã bồi thường trước, còn lại 100.700.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 100.700.000 đồng cho gia đình chị A, cháu T, mà không yêu cầu hoàn trả lại.

Do công ty TD không yêu cầu bị cáo S phải hoàn trả lại phần tiền công ty đã bồi thường cho gia đình bà Nguyễn Thị Q, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về vật chứng: Xe mô tô BKS: 30F4-8906 và xe ô tô BKS: 29C-408.53, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp là chị Nguyễn Thị T, công ty TD là phù hợp.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Tá S** phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

2. Áp dụng khoản 3, khoản 5 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, phạt **Nguyễn Tá S: 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày **08/8/2017**.

Cấm bị cáo hành nghề lái xe ô tô trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 591 Bộ luật dân sự năm 2015:

3.1. Buộc bị cáo Nguyễn Tá S bồi thường cho gia đình ông Đặng Bình L, anh Đặng Hải B, chị Đặng Thị Hằng N, chị Đặng Lệ Q, cụ Bá Thị L các khoản: Tiền mai táng bà Q 61.506.000 đồng; Tiền tổn thất tinh thần cho hàng thừa kế thứ nhất của bà Q 65.000.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo S cấp dưỡng một lần cho cụ Bá Thị L mà bà Q khi còn sống có nghĩa vụ cấp dưỡng là 48.494.000 đồng.

Xác nhận bị cáo Nguyễn Tá S, công ty TNHH sản xuất và thương mại TD đã bồi thường xong các khoản trên cho gia đình ông Đặng Bình L, anh Đặng Hải B, chị Đặng Thị Hằng N, chị Đặng Lệ Q, cụ Bá Thị L là 175.000.000 đồng.

3.2. Buộc bị cáo S bồi thường cho chị Nguyễn Thị T giá trị thiệt hại chiếc xe máy 30F4-8906 là 10.000.000 đồng.

Xác nhận bị cáo Nguyễn Tá S, công ty TNHH sản xuất và thương mại TD đã bồi thường xong cho chị Nguyễn Thị T 10.000.000 đồng.

3.3. Buộc bị cáo Nguyễn Tá S phải bồi thường cho gia đình ông Nguyễn Trọng K, bà Nguyễn Thị C các khoản chi phí mai táng cho chị Phan Thị A, cháu Nguyễn Thị Bảo T là 116.300.000 đồng; bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho hàng thừa kế thứ nhất của chị A là ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Thị L là 26.000.000 đồng.

Xác nhận bị cáo S và công ty TNHH sản xuất và thương mại TD đã bồi thường xong các khoản trên cho Ông K, bà C, ông Đ, Bà L.

Đổi trừ số tiền 243.000.000 đồng mà ông Nguyễn Trọng K, bà Nguyễn Thị C, ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Thị L đã nhận của bị cáo S và công ty TNHH sản xuất và thương mại TD, còn thừa lại 100.700.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo S và công ty TNHH sản xuất và thương mại TD tiếp tục bồi thường 100.700.000 đồng cho Ông K, bà C, ông Đ, Bà L.

4. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Tá S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo, Người đại diện hợp pháp cho người bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Bị đơn dân sự có mặt có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAD thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Công A huyện Chương Mỹ;
- CC THA dân sự huyện Chương Mỹ;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tuyết Mai